ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TIỀN PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1169/QĐ-UBND	*Tiền Phong, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Xây dựng tuyến đường từ nút giao Logistic đi đường gom cao tốc, đoạn địa phận phường Tiền Phong

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TIỀN PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đường sắt số 95/2025/QH15; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-BXD ngày 11/4/2025 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc Ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của UBND phường Tiền Phong về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án Xây dựng tuyến

đường từ nút giao Logistic đi đường gom cao tốc, đoạn qua địa phần phường Tiền Phong;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Tiền Phong về việc chuyển giao các dự án đầu tư công do Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công làm chủ đầu tư về Ban Quản lý dự án xây dựng Tiền Phong làm chủ đầu tư;

Xét đề nghị của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Tiền Phong tại Tờ trình số 149TTr-DVSNC ngày 31/5/2026; Thông báo thẩm định số 284/BC-KTHT&ĐT ngày 09/6/2026 của phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Xây dựng tuyến đường từ nút giao Logistic đi đường gom cao tốc, đoạn địa phận phường Tiền Phong. Với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến đường từ nút giao Logistic đi đường gom cao tốc, đoạn địa phận phường Tiền Phong.

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): 8183671.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Tiền Phong, tỉnh Bắc Ninh.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Tiền Phong.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng Tiền Phong.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Thành Đạt.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại công trình: Công trình giao thông;

- Nhóm dự án: Nhóm C;

- Cấp công trình: Cấp III;

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế.

8. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư dự án để từng bước xây dựng hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông của phường; Hình thành tuyến đường từ nút giao Logistic đi đường gom cao tốc, đoạn qua địa phận phường Tiền Phong; tăng cường kết nối giao thông hiện hữu, liên kết không gian giữa các khu vực trên địa bàn phường; thúc đẩy sự hợp tác phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân.

9. Quy mô, nội dung, giải pháp thiết kế cơ sở:

9.1. Đường giao thông:

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường mềm cấp cao A1 có Eyc = 150 Mpa

Các thông số kỹ thuật

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Cấp đường phố gom
I	Tốc độ thiết kế	Km/h	40
II	Các thông số tuyến		
1	Tầm nhìn vượt xe	m	350
2	Tầm nhìn dừng xe	m	75
3	Bán kính cong bằng tối thiểu	m	125
III	Các thông số mặt cắt ngang		
1	Chiều rộng làn xe	m	3,5
2	Số làn xe	Làn	4
3	Chiều rộng hè	m	6
IV	Các thông số chiếu đứng		
1	Độ dốc dọc tối đa	%	6
2	Bán kính cong lõm tối thiểu	m	1000
3	Bán kính cong lồi tối thiểu	m	1400
V	Kết cấu mặt đường		
1	Cường độ yêu cầu	MPa	150
2	Loại mặt đường		Cấp cao A1

9.1.1. Trắc dọc thiết kế: Chiều dài 660,28m. Từ nút giao Logistics đi đường gom cao tốc đấu vào nút N7 của khu HTKT khu dân cư thôn Yên Khê.

9.1.2. Trắc ngang thiết kế: Chiều rộng nền đường: Bn=23m; Rộng mặt đường: Bm=11m (rãnh biên: Brb=0,3x2); Rộng hè đường: Bh=6x2; Độ dốc ngang hè đường: Ih = 1,5%; Độ dốc ngang mặt đường: Im = 2%.

9.1.3. Nền đường:

- Độ dốc mái taluy đào 1:1, taluy đắp 1:1,5.

- Nền đường đất cấp 3 độ chặt K98 dầy 50cm, trên lớp đất cấp 3 độ chặt K95; hè đường và mái taluy độ chặt K90.

9.1.4. Kết cấu áo đường: Lớp 1: Bê tông nhựa chặt C12.5 chiều dày 4cm hàm lượng nhựa 5,0%. Tưới nhựa dính bám 0,5kg/m2. Lớp 2: Bê tông nhựa chặt 19 chiều dày 6cm hàm lượng nhựa 4,6%. Tưới nhựa dính bám 1kg/m2. Lớp 3: CPĐD loại I lớp trên đầy 15cm. Lớp 4: CPĐD loại II dưới dầy 18cm. Lớp 5: đất cấp 3 đầm K98 dầy 50cm. Đắp nền đường bằng đất cấp 3 đầm K95.

9.1.5. Hè đường: Đắp đất cấp 3, độ chặt K90; Độ dốc 1.5%; Lát hè gạch bê tông giả đá KT: 400x400x45mm; Vữa xi măng M75 dày 2cm; Bê tông lót M150 dày 8cm; Đệm cát dày 3cm.

9.1.6. Cây xanh, hố trồng cây: Trồng cây Lát Xoan (Lát Hoa), bó bồn đá KT: 15x10x70cm; Vữa xi măng M75 dày 2cm; Bê tông lót M150 dày 10cm.

9.1.7. Kết cấu bó vỉa + rãnh biên: Rãnh biên: BTXM M200 dày 10cm mỗi bên rộng 30cm. Bó vỉa: BTXM M200, kích thước 18x30x100cm. Có hai loại: dài 1m và 0,5m đặt trên đoạn thẳng, đoạn cong. Lớp vữa xi măng dày 2cm. Bêtông lót M150 dày 10cm.

9.1.8. Hệ thống an toàn giao thông: Biển báo: bằng thép, sơn biển bằng sơn phản quang. Cột thép. Vạch sơn kẻ đường.

9.1.9. Vuốt nối hoàn trả giao thông các tuyến đường hiện trạng: Có 02 vị trí nút giao theo Quy hoạch và 04 vị trí giao cắt với đường giao thông hiện trạng.

9.2. Hệ thống thoát nước mưa:

- Cống đường kính D100: Đặt trên khối móng BTCT M250, bên dưới đệm đá dăm dày 10cm; Độ dốc thoát nước >0,1%. Kết cấu hố ga: Hố ga xây gạch: Móng BTXM M150 trên lớp đá dăm dày 10cm; Xây tường gạch bê tông không nung vữa M75, trát tường trong vữa M75 dày 1,5cm. Bêtông cổ hố ga M200 (bê tông thu cổ hố ga M200), tấm đan bê tông cốt thép M250. Hố ga Bêtông: Lót đá dăm dày 10cm. Đổ bê tông cốt thép tại chỗ M250 dầy 20cm. Lắp đặt lưới chắn rác Composite.

+ Cống 2BxH=2x3x2m: cống BTCT M250 đặt trên lớp bêtông móng M200 dày 10cm, dưới đệm đá dăm dày 10cm, đóng cọc tre mật độ 25cọc/1m2.

9.3. Hệ thống thoát nước thải:

- Cống HDPE D300; Độ dốc tối thiểu i=1/D.

- Hố ga:

+ Hố ga xây gạch: áp dụng hố ga có chiều sâu <=2,5m, đáy hố ga bê tông móng M200 dày 15cm trên lớp đá dăm dày 10cm. Tường xây gạch BTKN VXM M75 dày 22cm, trát tường trong VXM M75 dày 1cm, đậy tấm sàn BTCT M250 có tấm composite.

+ Hố ga BTCT: áp dụng hố ga có chiều sâu >=2,5m, đáy hố ga bêtông móng M200 dày 20cm trên lớp đá dăm dày 10cm. Tường đổ BTCT M200 dày 20cm, đậy tấm sàn BTCT M250 có tấm composite.

9.4. Hệ thống cấp điện:

9.4.1. Đường dây trung thế 22kV dịch chuyển: Dịch chuyển tuyến đường dây trung thế 22kV lộ 472 E7.22 từ sau cột số 11 đến cột số 15 và từ cột 12 (sau dịch chuyển) sang cột TBA dừng nghỉ Song Khê (hiện trạng); từ cột 14 (sau dịch chuyển) sang cột TBA Yên Khê (sau dịch chuyển); từ cột 15 (sau dịch chuyển) sang trước cột 01-CM/472-7.22 (hiện trạng)

- Móng cột: Bê tông cốt thép loại: Ms7 và Ms8; M200.

- Xà: XZCΦ22; X3CΦ-22; XL3Φ-22; XLCDΦ-22; XCCS; Xà được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ ≥ 80µm.

- Tại các vị trí cột 12; 13; 14; 14A; 15 lắp bổ sung chụp cột (CH3,0) lắp đỉnh cột hiện trạng để lắp xà và dây chống sét bảo vệ đoạn tuyến.

- Tiếp địa: Dùng loại tiếp địa T4C-1,5: trị số yêu cầu Rnđ ≤ 10Ω.

- Cách điện: Dùng loại sứ đứng PI 24kV và chuỗi sứ thủy tinh kép IIC-70 (3 bát/chuỗi); chuỗi sứ thủy tinh đơn IIC-70 (3 bát/chuỗi). Cho hệ thống dây chống sét, sử dụng chuỗi sứ đơn Polimer.

- Dây dẫn: dây nhôm lõi thép có ký hiệu ACSR 120/16 chiều dài tuyến khoảng 86m (chưa tính độ võng treo cáp); Kéo căng lại dây nhôm lõi thép AC-120mm2 chiều dài tuyến khoảng 118m.

- Cột điện: Bêtông ly tâm 18m, sản xuất theo TCVN 5847:2016.

- Cách điện dùng chuỗi sứ cách điện kép IIC 70 (3 bát sứ/chuỗi); chuỗi sứ cách điện đơn IIC 70 (3 bát sứ/chuỗi)

9.4.2. Đường dây trung thế 22kV ngầm về TBA Yên Khê (sau dịch chuyển):

9.4.2.1. Tại cột đấu số 12/472-E7.22 (sau hiện trạng)

- Điểm đấu: Tại cột 12/472-E7.22 (sau dịch chuyển).

- Điểm cuối: Tại cột trạm biến áp Dừng nghỉ Song Khê (hiện trạng)

9.4.2.2. Tại cột đấu số 14/472-E7.22 (sau hiện trạng)

- Điểm đấu: Tại cột 14/472-E7.22 (sau dịch chuyển).

- Điểm cuối: Tại cột trạm biến áp Yên Khê 320kVA-22/0,4kV (sau dịch chuyển).

9.4.2.3. Đặc điểm tuyến đường dây 22kV đi ngầm từ cột 12/472-E7.22 đến TBA Dừng nghỉ Song Khê (hiện trạng); Từ cột 14/472-E7.22 đến TBA Yên Khê (sau dịch chuyển)

9.4.2.4. Trạm biến áp sau Yên Khê 320kVa – 22/0,4kV sau dịch chuyển:

- Kiểu trạm: Trạm treo trên cột bê tông LT16 (đầu từ cột trung thế 14/472-E7.22 - sau dịch chuyển). Công suất: 320kVA; Điện áp: 22/0,4kV (lắp tận dụng lại). Đóng cắt không tải và bảo vệ ngắn mạch cho MBA: Dùng cầu chì tự rơi 22kV (FCO-22).

- Phía hạ thế: Tủ phân phối trọn bộ 500A-500V (có 03 lộ ra – lắp tận dụng lại).

9.4.3. Trạm biến áp sau Dừng nghỉ Song Khê (hiện trạng): Tại cột TBA Dừng nghỉ Song Khê (hiện trạng) lắp: 01 bộ xà chống set van XCSV-F22; 01 bộ chống sét van 24kV; 01 bộ đầu cáp co ngót ngoài trời 3x95mm2 - 24kV cho 3 pha; 01 bộ colie ôm cáp.

9.4.5. Đường dây hạ thế sau TBA Yên Khê 320kVA-22/0,4kV

- Cột điện: Trồng mới 04 vị trí cột được đánh số (1.2.3).1; (1.2).2; 2.2; 2.3. Sử dụng cột bê tông 2LT12C.

- Tiếp địa lặp lại: Dùng 01 bộ tiếp địa T2C-2,5 trị số điện trở yêu cầu Rtđ ≤10Ω. Cột trồng mới sử dụng dây nối tiếp địa dọc cột, phần dây cờ tiếp địa nổi lên trên mặt đất luồn trong ống cao su cách mặt đất 1,0m.

- Dây dẫn: Lộ 1, 2, 3: Từ tủ phân phối 0,4kV TBA Yên Khê 320kVA-22/0,4kV (sau dịch chuyển) đến cột số (1.2.3).1 đường dây 0,4kV sau TBA Yên Khê 320kVA-22/0,4kV sử dụng dây cáp vặn xoắn AXLPE 4x95mm2, 03 mạch, chiều dài tuyến khoảng 63,6m. Từ cột số (1.2.3).1 đến cột số 2.3 đường dây 0,4kV sau TBA Yên Khê 320kVA-22/0,4kV sử dụng dây cáp vặn xoắn AXLPE 4x95mm2, chiều dài tuyến khoảng 73,9m. Từ cột số (1.2.3).1 đến cột số (1.2).2 sang cột (1.2).3 đường dây 0,4kV sau TBA Yên Khê 320kVA-22/0,4kV sử dụng dây cáp vặn xoắn AXLPE 4x95mm2, 02 mạch, chiều dài tuyến khoảng 109,7m.

- Móng cột: Móng bê tông không cốt thép M200, đá 2x4.

- Dây và phụ kiện: Cáp vặn xoắn hạ thế ABC. Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6447:1998. Điện áp tiêu chuẩn: 1kV.

9.4.6. Chiếu sáng 0,4kV:

- Nguồn điện: Lấy từ cột đèn L2-24C thuộc dự án: HTKT Khu dân cư thôn Yên Khê, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang (đã được phê duyệt và đang triển khai thi công).

- Sử dụng bộ đèn LED 220V/150W lắp trên cột thép bát giác côn liền cần, mạ kẽm nhúng nóng cao 11m, khoảng cách trung bình các cột đèn từ 30-40m.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án theo Tờ trình của Chủ đầu tư

12. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **31.193.000.000 đồng (***Bằng chữ: Ba mươi mốt tỷ một trăm chín mươi ba triệu đồng)./.*

Trong đó:

- Chi phí GPMB	5.380.232.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	22.823.566.000	đồng.
- Chi phí thiết bị:	76.106.800	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	583.673.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư:	1.543.846.000	đồng.

- Chi phí khác: 528.400.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 257.176.000 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án theo chủ trương được phê duyệt:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư: Năm 2026.

- Thời gian triển khai đầu tư: Năm 2026-2028.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn ngân sách phường được bố trí theo tiến độ thực hiện dự án.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư lựa chọn hình thức quản lý dự án phù hợp với điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

17. Các nội dung khác: Theo kết quả thẩm định tại Văn bản 284/BC-KTHT&ĐT ngày 09/6/2026 của phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị phường Tiền Phong và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD đã được thẩm định.

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện trình tự quản lý và đầu tư xây dựng dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND-UBND, Phòng Tài chính, Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị, Ban Quản lý dự án xây dựng Tiền Phong và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để Th/h);
- TT Đảng uỷ, HĐND phường (để B/c);
- CT, các PCT UBND phường;
- Văn phòng: LĐ, CV;
- Lưu: VT, HSDA.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thế Chung